TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HSST
Ngày: 28/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Thiêm và bà Vũ Thị Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXX-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đinh Văn T**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/12/1956 tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Binh; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình;Trình độ học vấn: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Đinh Văn M, sinh năm 1931 (đã chết); Mẹ đẻ: Đào Thị T, sinh năm 1934, trú tại xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Vợ: Hoàng Thị V, sinh năm 1960; trú tại thôn V, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1985. Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/2/2022 – *Có mặt tại phiên tòa*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Mai Thị M, sinh năm 1979 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện T, Thái Bình

2. Anh Vũ Ngọc Th, sinh năm 1984 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Xóm 5, xã T Đ, huyện T, Thái Bình

3. Chị Trần Thị H, sinh năm 1976 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện T, Thái Bình;

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn L xã X, huyện T, tỉnh Thái Bình

5. Chị Đàm Thị M, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn L , xã H, huyện T, Thái Bình

6. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1986 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã D, Huyện T, Thái Bình

7. Anh Hà Thanh M, sinh năm 1997 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, Thái Thụy, Thái Bình

8. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1975 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện T, Thái Bình

9. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã H, huyện T, Thái Bình

10. Chị Bùi Thị Ng, sinh năm 1991 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện T, Thái Bình

11. Chị Chu Thị L, sinh năm 1998 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn D, xã H, huyện T, Thái Bình

12. Anh Đỗ Quang Ph, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn B, xã N, huyện T, Thái Bình

13. Chị Đào Thị H, sinh năm 1987 –*Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện T, Thái BÌnh

14. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1983 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện T, Thái Bình

15. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, Thái Bình

16. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1984 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, Thái Bình

17. Anh Phạm Thành Ch, sinh năm 1988 – *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện T, Thái Bình

18. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: tổ dân phố M, thị trấn D, Thái Thụy, Thái Bình

19. Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện T, Thái Bình

20. Anh Trương Văn Ph, sinh năm 1994 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, Thái Bình

21. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1974 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện T, Thái Bình

22. Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1996 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn M, xã D, Thái Thụy, Thái Bình

23. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1991 –*Vắng mặt*

Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Sơn La

24. Anh Hà Văn H, sinh năm 1991 –*Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, Thái Bình

25. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, Thái Bình

26. Chị Doãn Thị Th, sinh năm 1958 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn C, xã D, huyện T, Thái Bình

27. Chị Hoàng Thị H, sinh năm1972 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

28. Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1991 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

29. Chị Đậu Thị H, sinh năm 1973 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã T, huyện T, Thái Bình

30. Chị Phạm Thị Gi, sinh năm 1981 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

31. Anh Tạ Ngọc Đ, sinh năm 1990 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

32. Chị Dương Thị L, sinh năm 1987 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn C, xã D, Thái Thụy, Thái Bình;

33. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987 –*Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã T, Thái Thụy, Thái Bình;

34. Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn V, xã D, Thái Thụy, Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến ngày 15/01/2022, bị cáo Đinh Văn T là bảo vệ của Công ty TNHH Lam Vũ có địa chỉ tại xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng đã có hành vi cho vay tiền nhằm mục đích thu lời bất chính là số tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước đối với 29 người, gồm: bà Mai Thị M, anh Vũ Ngọc Th, bà Trần Thị H, chị Dương Thị L, anh Tạ Ngọc Đ, anh Nguyễn Văn Th, chị Nguyễn Thị M, chị Đàm Thị M, anh Phạm Văn C, anh Hà Thanh M, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Th, chị Bùi Thị Ng, chị Chu Thị L, chị Đào Thị H, anh Đỗ Quang Ph, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị Th, anh Phạm Thành Ch, chị Phạm Thị T, chị Trần Thị H chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Công Kh, anh Nguyễn Quang H, anh Hà Văn H, chị Nguyễn Thị L, chị Doãn Thị Th, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn M vay tiền với mức lãi suất cho vay 5.000đ/1triệu/01 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, ngoài ra một số khoản vay do bị cáo cộng lãi còn nợ vào tiền gốc lên mức lãi suất giao động từ 106%/năm đến 316,4%/năm). Những người đến vay tiền của bị cáo đều không phải cầm cố hay thế chấp bất kỳ tài sản gì, không có hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Toàn bộ tên người vay, số tiền vay, tiền lãi, số tiền trả, số tiền còn nợ lại được bị cáo ghi vào quyển vở ô ly loại 80 trang, ngoài bìa vở có chữ điểm 10 sẵn sàng học tốt, Lovesprts, 4 ô ly 80 trang . Khi đến ngày trả lãi người vay sẽ đến phòng bảo vệ của Công ty TNHH Lam Vũ thanh toán trực tiếp cho bị cáo. Những khoản vay trước năm 2021, do không có sổ sách ghi chép, bản thân bị cáo không nhớ rõ nên giữa bị cáo và những người vay cùng thống nhất số tiền hiện tại được tính thời điểm vay bắt đầu từ tháng 01/2021 là tiền gốc và được bị cáo ghi vào quyển vở ô ly trên. Về thời hạn vay, bị cáo cho vay bằng hai hình có thời hạn và không có thời hạn. Đối với hình thức vay có thời hạn*:* Bị cáo và người vay có thỏa thuận vay thời hạn 01 tháng từ 15 tháng này đến 15 tháng sau, tiền lãi tính theo ngày, hết thời hạn vay theo thỏa thuận mà người vay không trả thì bị cáo và người vay sẽ cùng thống nhất cộng tiền lãi, tiền gốc với nhau để tính lãi tháng tiếp theo, tùy trường hợp cụ thể mà bị cáo gia hạn thời hạn vay thêm tháng tiếp theo cho người vay, bị cáo gia hạn thời hạn vay cho một số người vay nhiều tháng cho đến khi bị bắt; đối với hình thức vay không có thời hạn*:* bị cáo và người vay thỏa thuận thanh toán theo tháng và vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, không ấn định thời gian ngày trả số tiền gốc, đến ngày trả lãi mà người vay không trả được lãi thì thống nhất số tiền lãi sẽ cộng vào số tiền gốc để tính lãi mới tiếp theo cho đến khi bị bắt. Các lần bị cáo cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính được xác định như sau:

1. Đối với các giao dịch cho vay có thời hạn:

1.1. Giao dịch với bà Mai Thị M:

Ngày 15/01/2021, T và bà M thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tính từ 15 tháng này đến 15 tháng sau, hết thời hạn đã thỏa thuận thì tiếp tục gia hạn thời hạn vay 01 tháng tiếp theo, nếu không trả hết thì T sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc để tính cho tháng tiếp theo. Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/01/2022, bị can T và bà M thực hiện tính chốt tiền vay và gia hạn thời hạn vay 12 lần, tổng thời gian vay là 12 tháng, tương đương với 365 ngày.

Ngày 15/01/2021, T cho bà M vay số tiền 9.638.000 đồng, số tiền lãi T tính cho bà M phải trả là 25.765.000 đồng trên số ngày vay trong thời hạn 12 tháng (bằng 365 ngày) tương đương với lãi suất 267%/năm, số tiền lãi bà M đã trả là 16.000.000 đồng, còn nợ là 19.403.000 đồng cả gốc và lãi. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.928.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính tính đến thời điểm Cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn là 23.837.000 đồng**.**

1.2. Giao dịch với anh Vũ Ngọc Th:

Ngày 15/01/2021, T và anh Th thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tính từ 15 tháng này đến 15 tháng sau, hết thời hạn đã thỏa thuận thì tiếp tục gia hạn thời hạn vay 01 tháng tiếp theo, nếu không trả hết thì T sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc để tính cho tháng tiếp theo. Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/01/2022, bị can T và anh Th thực hiện tính chốt tiền vay và gia hạn thời hạn vay 12 lần, tổng thời gian vay là 12 tháng, tương đương với 365 ngày.

Ngày 15/01/2021, T cho anh Th vay số tiền 3.512.000 đồng thỏa thuận mức lãi 5.000 đồng/ triệu/ ngày. Đến ngày 15/01/2022, số tiền lãi T tính cho anh Th phải trả là 9.568.000 đồng trên số ngày vay trong thời hạn 12 tháng (bằng 365 ngày), tương đương với lãi suất 272%/năm. Trong đó, số tiền lãi anh Th đã trả là 2.500.000 đồng, còn nợ là 10.580.000 đồng cả gốc và lãi. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 702.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính tính đến thời điểm Cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn là 8.866.000 đồng**.**

1.3. Giao dịch với bà Trần Thị H:

Ngày 15/01/2021, T và bà H thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tính từ 15 tháng này đến 15 tháng sau, hết thời hạn đã thỏa thuận thì tiếp tục gia hạn thời hạn vay 01 tháng tiếp theo, nếu không trả hết thì T sẽ cộng tiền lãi vào tiền gốc để tính cho tháng tiếp theo. Từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/01/2022, bị can T và bà H thực hiện tính chốt tiền vay và gia hạn thời hạn vay 12 lần, tổng thời gian vay là 12 tháng, tương đương với 365 ngày.

Ngày 15/01/2021, T cho bà H vay số tiền 11.000.000 đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày; đến ngày 15/01/2022, số tiền lãi T tính cho bà H phải trả là 20.382.000 đồng trên số ngày vay trong thời hạn 12 tháng (bằng 365 ngày), tương đương với lãi suất 185% /1 năm. Số tiền lãi bà H đã trả là 17.532.000 đồng, còn nợ là 13.850.000 đồng cả gốc và lãi. Như vậy số tiền tính theo lãi suất 20% là 2.200.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính tính đến thời điểm Cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn là 18.182.000 đồng**.**

Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ các khoản vay của bà Mai Thị M, anh Vũ Ngọc Th, bà Trần Thị H là 50.885.000 đồng.

2. Đối với các giao dịch cho vay không có thời hạn:

2.1. Giao dịch với chị Dương Thị L:

Ngày 15/01/2021, T cho chị L vay số tiền 7.212.000 đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021 chị L đã trả 7.100.000đ tiền lãi trên số ngày vay là 334 ngày tương đương với lãi suất 108%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.320.000 đồng. Số tiền T thu lợi bất chính là 5.780.000 đồng.

*2.2. Giao dịch với anh Tạ Ngọc Đ**:***

- *Lần 1:* Ngày 15/01/2021, T cho anh Đ vay số tiền 1.000.000đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/04/2021, anh Đ đã trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 455.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 90 ngày tương đương với lãi suất 184% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 50.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 405.000đồng.

- *Lần 2:* Ngày 15/01/2021, T cho anh Đ vay số tiền 3.000.000đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, anh Đ đã trả 1.177.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 74 ngày, tương đương với lãi suất 194%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 122.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 1.050.000 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 27/6/2021, T cho anh Đ vay số tiền 1.000.000đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5% /1 năm. Đến ngày 15/8/2021, anh Đ đã trả 270.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 49 ngày, tương đương với lãi suất 200%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 27.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 243.000.

- *Lần 4:* Ngày 15/8/2021, T và anh Đ thống nhất khoản vay còn nợ của lần 2 và lần 3 là 4.000.000 đồng, bắt đầu tính lại thời hạn vay với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh Đ chưa trả số tiền gốc và đã trả 1.214.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 92 ngày, tương đương với lãi suất 120%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 202.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 1.012.000 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 15/10/2021, T cho anh Đ vay số tiền 1.000.000đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh Đ chưa trả số tiền gốc và đã trả 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 177% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 17.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 133.000 đồng.

- *Lần 6:* Ngày 15/11/2021, T và anh Đ thống nhất khoản vay còn nợ của lần 4 và lần 5 là 5.000.000 đồng, bắt đầu tính lại thời hạn vay thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, anh Đ chưa trả số tiền gốc và đã trả 1.492.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 61 ngày, tương đương với lãi suất 178% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 167.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 1.325.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh Đ là: 4.174.000đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

2.3. Giao dịch với anh Nguyễn Văn Th:

- *Lần 1*: Ngày 15/01/2021, T cho anh Th vay số tiền 2.000.000 đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2022, anh Th chưa trả số tiền gốc và đã trả 1.135.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 90 ngày, tương đương với lãi suất 230%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 99.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 1.036.000 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 15/4/2021, T cho anh Th vay số tiền 500.000 đồng và thống nhất cộng gộp cùng lần 1 thành tổng số tiền vay là 2.500.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh Th trả 1.967.000 đồng tiền gốc và 375.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,5% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 41.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 334.000 đồng.

- *Lần 3:* Sau khi trừ tiền gốc đi 1.967.000 đồng T và anh Th cùng thống nhất từ ngày 15/5/2021 anh Th vay 533.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5% /1 năm. Đến ngày 15/6/2021, anh Th trả 533.000 đồng tiền gốc và 83.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 9.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 74.000 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 05/6/2021, T cho anh Th vay số tiền 1.000.000đ và ngày 21/6/2021 Th vay thêm 1.000.000đ. Cả hai cùng thống nhất tổng hai khoản vay này là 2.000.000đ bắt đầu tính vay từ ngày 27/6/2021, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, anh Th trả 1.090.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 122 ngày, tương đương với lãi suất 162,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 134.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 956.000 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 30/9/2021 anh Th vay 1.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Đến ngày 15/10/2021, anh Th trả 70.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 14 ngày. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 8.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 62.000 đồng.

- *Lần 6:* Ngày 15/10/2021, T và anh Th thống nhất khoản vay còn nợ của lần 4 và lần 5 là 3.000.000 đồng, bắt đầu tính lại thời hạn vay với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, anh Th trả 3.000.000 đồng tiền gốc và 900.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 61 ngày, tương đương với lãi suất 180% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 100.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 800.000 đồng.

- *Lần 7:* Ngày 25/12/2021, T cho anh Th vay 1.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, anh Th chưa trả tiền gốc và đã trả 93.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 21 ngày, tương đương với lãi suất 162% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 12.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 93.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lời bất chính của anh Th là 3.344.000 đồng (Ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

2.4. Giao dịch với chị Nguyễn Thị M:

- *Lần 1*: Ngày 15/01/2021, T cho chị M vay số tiền 2.419.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, chị M không trả số tiền gốc và đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 365, ngày tương đương với lãi suất 123,7% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 484.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 2.516.000 đồng.

2.5. Giao dịch với chị Đàm Thị M:

- *Lần 1*: Ngày 16/01/2021, T cho chị M vay số tiền 3.000.000 đồng thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/7/2021, chị M trả 1.500.000 đồng tiền gốc và đã trả 3.150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 180 ngày, tương đương với lãi suất 212,7% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 296.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 2.854.000 đồng.

- *Lần 2:* Do ngày 15/7/2021, chị M đã trả 1.500.000đ tiền gốc của khoản vay lần 1 nên tiền gốc hiện tại còn là 1.500.000đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, chị M chưa trả số tiền gốc và đã trả 225.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,3%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 25.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 200.000 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 05/7/2021, T cho chị M vay số tiền 1.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, chị M chưa trả số tiền gốc và đã trả 205.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 41 ngày, tương đương với lãi suất 178% /1

năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 22.500đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 182.000 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 15/8/2021, chị M và T cùng thống nhất cộng gộp cả hai lần 2 và lần 3 là 2.500.000đ với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/1/2022, chị M chưa trả số tiền gốc và đã trả 1.875.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 153 ngày, tương đương với lãi suất 178,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 210.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 1.665.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lời bất chính của chị M là: 4.901.500 đồng (Bốn triệu chín trăm linh một nghìn năm trăm đồng).

2.6. Giao dịch với anh Phạm Văn C:

- *Lần 1*: Ngày 31/01/2021, T cho anh C vay số tiền 2.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5% /1 năm. Đến ngày 15/4/2021, anh C trả 2.000.000 tiền gốc và đồng 740.000 đồng tiền lãi (tháng 2 trả lãi 150.000đ, tháng 3 trả 280.000đ, thảng 4 trả là 310.000đ), trên số ngày vay là 74 ngày. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 81.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 659.000 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 28/6/2021, T cho anh C vay số tiền 7.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Đến ngày 15/7/2021, anh C chưa trả tiền gốc và trả đồng 595.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 17 ngày. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 65.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 530.000 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 15/7/2021, anh C trả 2.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 2 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 5.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, anh C trả 1.000.000 đồng tiền gốc và trả đồng 750.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176.2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 85.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 665.000 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 15/8/2021, anh C trả 1.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 3 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 4.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, anh C trả 2.000.000 đồng tiền gốc và trả đồng 600.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 68.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 532.000 đồng.

- *Lần 5:* Ngày 15/9/2021, anh C trả 2.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 4 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 2.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh C không trả tiền gốc và trả đồng 600.000 đồng

tiền lãi, trên số ngày vay là 61 ngày, tương đương với lãi suất 180%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 67.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 533.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lời bất chính của anh C là: 2.919.000 đồng (Hai triệu chín trăm mười chín nghìn đồng)

2.7. Giao dịch với anh Hà Thanh M:

- *Lần 1*: Ngày 21/3/2021, T cho anh M vay số tiền 15.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 21/9/2021, anh M trả 3.000.000 tiền gốc và đồng 12.100.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 184 ngày, tương đương với lãi suất 159,8% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.512.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 10.588.000 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 21/9/2021, anh M trả 3.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 1 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Đến ngày 21/10/2021, anh M không trả tiền gốc và trả đồng 1.800.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày. Số nợ gốc còn là 12.000.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 197.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 1.603.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lời bất chính của anh Minh là: 12.190.411 đồng (Mười hai triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)**.**

2.8. Giao dịch với bà Nguyễn Thị D:

- *Lần 1*: Ngày 15/1/2021, T cho bà D vay số tiền 2.310.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 07/02/2021, bà D trả 300.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 15/02/2021, T tính cho bà D số tiền lãi là 290.000 đồng, trên số ngày vay là 32 ngày, tương đương với lãi suất 142%/1 năm. Tháng 3 và tháng 4/2021, T không tính lãi đối với số tiền vay này. Đến ngày 15/4/2021, bà D trả 2.010.000 đồng tiền gốc và 290.000 đồng tiền lãi. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 40.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 250.000 đồng.

- *Lần 2:* Ngày 15/8/2021, T cho bà D vay số tiền là 2.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, chị Th trả 500.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 32 ngày, tương đương với lãi suất 170,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 35.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 265.000 đồng.

- *Lần 3:* Ngày 15/9/2021, bà D trả 500.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 2 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 1.500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, bà D không trả tiền gốc và trả đồng 220.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 175,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 25.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 195.000 đồng.

- *Lần 4:* Ngày 16/10/2021, bà D vay 500.000 đồng và cùng thống nhất nợ gốc tăng lên là 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, bà D không trả tiền gốc và trả đồng 600.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 61 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 67.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 533.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của bà D là 1.243.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

2.9. Giao dịch với chị Nguyễn Thị Th:

- *Lần 1*: Ngày 19/10/2021, T cho chị Th vay số tiền 6.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 05/11/2021, chị Th trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 420.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 18 ngày, tương đương với lãi suất 142%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 59.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 361.000 đồng.

- *Lần 2:* Do ngày 05/11/2021, chị Th trả 2.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 1 nên số nợ gốc còn lại là 4.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, chị Th trả 4.000.000 đồng tiền gốc và trả đồng 240.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 10 ngày, tương đương với lãi suất 121,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 22.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 218.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị Th là 579.000đ (Năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

2.10. Giao dịch với chị Bùi Thị Ng:

Ngày 29/4/2021, T cho chị Ng vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, chị Ng trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 48 ngày, tương đương với lãi suất 114% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 53.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 247.000 đồng (Hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

2.11. Giao dịch với chị Chu Thị L:

Lần 1: Ngày 31/01/2021, T cho chị L vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, chị L trả 1.868.000 đồng tiền gốc và 632.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 44 ngày, tương đương với lãi suất 159,8% /1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 72.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 560.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/3/2021, chị L trả 1.868.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 1 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 1.132.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1

triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, chị L trả 832.000 đồng tiền gốc và trả đồng 169.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 175,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 19.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 150.000 đồng. Ngày 15/7/2021, chị L đã trả hết số tiền gốc là 300.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị L là 710.000đ (Bảy trăm mười nghìn đồng).

2.12. Giao dịch với chị Đào Thị H:

Ngày 11/12/2021, T cho chị Hồng vay số tiền 500.000 đồng, với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 182,5% /1 năm. Đến ngày 15/12/2021, chị H trả 500.000 đồng tiền gốc và 10.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 4 ngày. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 8.600 đồng (Tám nghìn sáu trăm đồng).

2.13. Giao dịch với anh Đỗ Quang Ph:

Lần 1: Ngày 29/12/2020, T cho anh Ph vay số tiền 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh Ph trả 121.000 đồng tiền gốc và 379.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 137 ngày, tương đương với lãi suất 201,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 38.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 341.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/5/2021, anh Ph trả 121.000 đồng tiền gốc của khoản vay lần 1 và cùng thống nhất nợ gốc còn lại là 379.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh Ph trả 57.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 177%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 6.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 51.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/5/2021, T cho anh Ph vay số tiền 1.000.000đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh Ph trả 338.000 đồng tiền gốc và 105.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 21 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 12.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 93.000 đồng.

Lần 4: Ngày 16/6/2021, T và anh Ph thống nhất số tiền nợ gốc là 1.041.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/7/2021, anh Ph trả 229.000 đồng tiền gốc và 271.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 316,4%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 17.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 254.000 đồng.

Lần 5: Ngày 16/7/2021, anh Ph vay thêm 1.000.000 đồng, T và anh Ph thống nhất số tiền nợ gốc là 1.812.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, anh Ph trả 729.000 đồng tiền gốc và 271.000 đồng tiền lãi, trên số

ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 30.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 241.000 đồng.

Lần 6: Ngày 16/8/2021, anh Ph vay thêm số tiền 2.500.000 đồng, T và anh Ph thống nhất số tiền nợ gốc mới là 3.583.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, anh Ph không trả tiền gốc và trả 500.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 164,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 61.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 439.000 đồng.

Lần 7: Ngày 16/9/2021, số nợ gốc là 3.583.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, anh Ph trả 420.000 đồng tiền gốc và trả 580.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 196,9%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 59.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 521.000 đồng. Còn nợ gốc là 3.163.000 đồng

Lần 8: Ngày 16/10/2021, số nợ gốc là 3.163.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh Ph trả 20.000 đồng tiền gốc và trả 480.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 178,4%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 54.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 426.000 đồng. Còn nợ gốc là 3.143.000 đồng

Lần 9: Ngày 16/11/2021, số nợ gốc là 3.143.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, anh Ph trả 529.000 đồng tiền gốc và trả 471.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 52.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 419.000 đồng . Còn nợ gốc là 2.614.000 đồng

Lần 10: Ngày 16/12/2021, số nợ gốc là 2. 614.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, anh Ph trả 108.000 đồng tiền gốc và trả 392.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 44.402đ, số tiền T thu lợi bất chính là 347.598 đồng. Còn nợ gốc là 2.506.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh Ph là 3.133.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

2.14. Giao dịch với chị Nguyễn Thị D:

Ngày 01/4/2021, T cho chị D vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 05/4/2021, chị D trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 25.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 05 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 3.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 22.600 đồng (Hai mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

2.15. Giao dịch với chị Nguyễn Thị Th:

Lần 1: Ngày 15/01/2021, T cho chị Th vay số tiền 5.744.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 29/01/2021, chị Th trả 2.598.000 đồng tiền gốc và 402.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 14 ngày, tương đương với lãi suất 182,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 44.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 358.000 đồng. Số nợ gốc còn là 3.146.000 đồng.

Lần 2: Ngày 30/01/2021, số nợ gốc là 3.146.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, chị Th không trả tiền gốc và trả 5.000.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 351 ngày, tương đương với lãi suất 159%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 605.000đ, số tiền T thu lợi bất chính là 4.394.000 đồng. Còn nợ gốc là 3.146.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị Th là 4.752.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.16. Giao dịch với anh Phạm Thành Ch:

Lần 1: Ngày 30/01/2021, T cho anh Ch vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/02/2021, anh Ch trả 1.000.0000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 17 ngày, tương đương với lãi suất 321,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 9.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 141.000 đồng.

Lần 2: Ngày 30/3/2021, T cho anh Ch vay số tiền 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, anh Ch trả 500.0000 đồng tiền gốc và 42.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 17 ngày, tương đương với lãi suất 178,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 5.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 37.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh Ch là 178.000đ (Một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.17. Giao dịch với chị Phạm Thị T:

Lần 1: Ngày 30/01/2021, T cho chị T vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/02/2021, chị T không trả tiền gốc và trả 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 32 ngày, tương đương với lãi suất 170,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 35.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 265.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/3/2021, chị T vay thêm T 1.000.000 đồng, số tiền nợ gốc tăng lên là 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, chị T không trả tiền gốc và trả 4.050.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 275 ngày, tương đương với lãi suất 178,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 452.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 3.598.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị T là 3.863.000đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

2.18. Giao dịch với chị Trần Thị H:

Lần 1: Ngày 15/01/2021, T cho chị H vay số tiền 3.990.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 03/02/2021, chị H trả 2.700.000 đồng tiền gốc và 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 20 ngày, tương đương với lãi suất 136,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 43.726 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 256.274 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.290.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/2/2021, chị H vay thêm T 1.000.000 đồng và trả 290.000 đồng tiền gốc, số tiền nợ gốc tăng lên là 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, chị H không trả tiền gốc và trả 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 29 ngày, tương đương với lãi suất 188,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 30.685 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 269.315 đồng.

Lần 3: Ngày 16/3/2021, chị H vay thêm T 1.000.000 đồng, số tiền nợ gốc tăng lên là 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Trong tháng 3, chị H trả 1.000.000 đồng tiền gốc (không nhớ ngày trả) nên nợ gốc còn 2.000.000 đồng. Ngày 07/6/2021, chị H lại vay thêm 1.000.000 đồng nên số tiền gốc là 3.000.000 đồng. Đến ngày 15/9/2021, chị H không trả tiền gốc và trả 750.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 101 ngày, tương đương với lãi suất 83,9%/1 năm. *Khoản vay này T cho vay với lãi suất không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.*

Lần 4: Ngày 16/9/2021, số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, chị H không trả tiền gốc và trả 450.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 49.315 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 400.685 đồng.

Lần 5: Ngày 16/10/2021, số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/1112/2021, chị H không trả tiền gốc và trả 400.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 162,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 49.315 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 250.685 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị H là 1.276.000đ (Một triệu hai bảy mươi sáu nghìn đồng)

2.19. Giao dịch với bà Nguyễn Thị Y:

Lần 1: Ngày 01/4/2021, T cho bà Y vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, bà Y trả 1.755.000 đồng tiền

gốc và 225.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 15 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 25.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 200.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn 1.245.000 đồng.

Lần 2: Ngày 08/4/2021, T cho bà Y vay số tiền 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, bà Y 20.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 8 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 2.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 18.000 đồng.

Lần 3: Ngày 16/4/2021 T cho bà Y cộng số tiền dư nợ lần 1 và lần 2 thành số tiền gốc là 1.745.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, bà Y trả 1.745.000 đồng tiền gốc và 620.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 430,7%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 29.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 591.000 đồng.

Lần 4: Ngày 03/5/2021, T cho bà Y vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, bà Y trả 65.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 13 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 7.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 58.000 đồng.

Lần 5: Ngày 16/5/2021, số tiền nợ gốc là 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2021, bà Y trả 495.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 93 ngày, tương đương với lãi suất 194,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 50.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 445.000 đồng.

Ngày 21/8/2021, bà Y vay thêm 2.000.000 đồng, ngày 03/9/2021, bà Y vay thêm số tiền 1.000.000 đồng và ngày 04/9/2021 bà Y vay thêm số tiền 1.000.000 đồng, cộng tổng số tiền nợ gốc là 5.000.000 đồng. Ngày 15/9/2021, bà Y trả 2.025.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại là 2.975.000 đồng *(không thu lãi). Lần vay này bị can không thu lợi bất chính khoản tiền nào.*

Lần 6: Tính đến ngày 16/9/2021, bà Y còn nợ 2.975.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 15/10/2021, bà Y trả 421.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 171,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 49.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 372.000 đồng .

Lần 7: Tính đến ngày 15/10/2021, bà Y còn nợ 2.975.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 15/11/2021, bà Y trả 2.225.000 đồng tiền gốc và trả 465.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 184%/1 năm. Số tiền gốc còn lại là 750.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 51.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 414.000 đồng.

Lần 8: Ngày 17/10/2021, bà Y vay thêm số tiền 1.500.000 đồng. Đến ngày 15/11/2021, bà Y trả 310.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương

với lãi suất 251%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 25.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 285.000 đồng.

Lần 9: Tính đến ngày 16/11/2021, bà Y nợ số tiền gốc là 2.250.000 đồng. Đến ngày 15/12/2021, bà Y trả 554.000 đồng tiền gốc và trả 341.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 184,3%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 37.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 304.000 đồng. Còn nợ tiền gốc là 1.696.000 đồng.

Lần 10: Tính đến ngày 27/11/2021, bà Y vay thêm số tiền là 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/12/2021, bà Y trả 105.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 19 ngày, tương đương với lãi suất 200,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 10.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 95.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của bà Y là 2.782.000đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

2.20. Giao dịch với anh Nguyễn Công Kh:

Lần 1: Ngày 15/01/2021, T cho anh Kh vay số tiền 3.120.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/02/2021, anh Kh trả 120.000 đồng tiền gốc và 475.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 32 ngày, tương đương với lãi suất 173,3%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 55.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 420.000 đồng.

Lần 2: Ngày 15/02/2021, số nợ gốc còn 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, anh Kh trả 888.000 đồng tiền gốc và 490.500 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 28 ngày, tương đương với lãi suất 221%/1 năm. Số nợ gốc còn là 2.112.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 46.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 444.500 đồng.

Lần 3: Ngày 21/02/2021, T cho anh Kh vay thêm 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, anh Kh trả 115.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 22 ngày, tương đương với lãi suất 190,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 12.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 103.000 đồng.

Lần 4: Ngày 12/3/2021, T cho anh Kh vay 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, anh Kh trả 10.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 03 ngày, tương đương với lãi suất 240,9%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 1.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 9.000 đồng.

Lần 5: Ngày 13/3/2021, T cho anh Kh vay 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, anh Kh trả 7.500 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 02 ngày, tương đương với lãi suất 273,7%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 600 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 6.900 đồng.

Lần 6: Tính đến ngày 16/3/2021, tổng số tiền T cho anh Kh vay số tiền 4.112.000 đồng; ngày 23/3/2021, anh Kh vay thêm 500.000 đồng, hai bên thống nhất làm tròn nợ gốc là 4.620.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, anh Kh trả 707.000 đồng tiền gốc và 693.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 78.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 615.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 3.913.000 đồng.

Lần 7: Tính đến ngày 16/4/2021, T cho anh Kh vay số tiền 3.913.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh Kh trả 3.183.000 đồng tiền gốc và 590.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 183,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 64.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 526.000 đồng. Nợ gốc còn 730.000 đồng.

Lần 8: Ngày 18/4/2021, T cho anh Kh vay số tiền 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh Kh trả 70.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 28 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 8.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 62.000 đồng.

Lần 9: Ngày 25/4/2021, T cho anh Kh vay số tiền 1.500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh Kh trả 157.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 21 ngày, tương đương với lãi suất 181,7%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 17.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 140.000 đồng.

Lần 10: Ngày 16/5/2021, T cho anh Kh vay thêm 2.000.000 đồng, nên số tiền gốc tăng lên là 4.730.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh Kh trả 278.000 đồng tiền gốc và 656.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 163,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 63.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 575.000 đồng.

Lần 11: Ngày 23/5/2021, T cho anh Kh vay 2.500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh Kh trả 300.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 24 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 33.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 267.000 đồng.

Lần 12: Ngày 09/6/2021, T cho anh Kh vay 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh Kh trả 30.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 6 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 3.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 27.000 đồng.

Lần 13: Tính đến ngày 16/6/20221, anh Kh vay 7.952.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 10/12/2021, anh Kh trả 7.952.000 đồng tiền gốc và 5.3480.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 178 ngày,

tương đương với lãi suất 135,7%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 775.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 4.529.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh Kh là 7.768.000đ (Bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng)

2.21. Giao dịch với anh Nguyễn Quang H:

Lần 1: Ngày 16/8/2021, T cho anh H vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, anh H trả 295.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 173,3%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 34.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 261.000 đồng.

Lần 2: Ngày 17/8/2021, T cho anh H vay thêm số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, anh H trả 555.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 16.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 134.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn là 445.000 đồng.

Lần 3: Tính đến ngày 16/9/2021, Anh H nợ gốc số tiền 2.445.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 29/9/2021 là 14 ngày Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 19.000đ.

- Lần 4: Ngày 29/9/2021, anh H vay thêm 500.000 đồng, tổng số tiền vay là 2.945.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 16/10/2021 (tương đương 17 ngày). Số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 27.000đ.

Với khoản 3 và 4, ngày 16/10/2021, anh H trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 334.000 đồng tiền lãi, Số tiền tính theo lãi suất 20% là 46.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 288.000 đồng.

Lần 5: Tính đến ngày 17/10/2021, anh H nợ số tiền gốc là 1.945.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh H trả 475.000 đồng tiền gốc và 315.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 191,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 32.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 283.000 đồng. Còn nợ tiền gốc là 1.470.000 đồng.

Lần 6: Đến ngày 19/10/2021, anh H vay thêm số tiền 1.500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh H không trả nợ gốc và trả 210.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 28 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 23.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 187.000 đồng.

Lần 7: Đến ngày 16/11/2021, anh H nợ số tiền gốc là 2.970.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, anh H trả 25.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 180,6%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 48.822 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 401.000 đồng.

Lần 8: Đến ngày 16/12/2021, anh H nợ số tiền gốc là 2.945.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, anh H trả 2.050.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 50.025 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 399.975 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh H là 1.978.567đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng)

2.22. Giao dịch với anh Hà Văn H:

Lần 1: Đến ngày 23/3/2021, T cho anh H vay số tiền là 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, anh H trả 500.000 đồng tiền gốc và trả 120.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 24 ngày, tương đương với lãi suất 182,6%/1 năm. Số tiền nợ gốc còn 500.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 13.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 107.000 đồng.

Lần 2: Đến ngày 17/4/2021, anh H vay thêm 500.000 đồng nên số tiền nợ gốc là 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/5/2021, anh H không trả tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 29 ngày, tương đương với lãi suất 188,7%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 16.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 134.000 đồng.

Lần 3: Đến ngày 16/5/2021, anh H vay số tiền là 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, anh H trả 450.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền nợ gốc còn 550.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 17.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 133.000 đồng.

Lần 4: Tính đến ngày 16/6/2021, anh H còn nợ số tiền là 550.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/7/2021, anh H trả hết số tiền gốc là 550.000 đồng và 100.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 221,1%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 9.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 91.000 đồng.

Lần 5: Đến ngày 15/9/2021, anh H vay thêm số tiền là 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, anh H trả hết số tiền gốc là 500.000 đồng và 60.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với

lãi suất 141,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 8.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 52.000 đồng.

Lần 6: Đến ngày 15/11/2021, anh H vay thêm số tiền là 550.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, anh H trả 50.000 đồng tiền gốc và 82.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 175,2%/1 năm. Số tiền nợ gốc còn lại là 500.000 đồng. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 9.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 73.000 đồng.

Lần 7: Đến ngày 16/12/2021, anh H số tiền nợ còn lại là 500.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022, anh H trả 500.000 đồng tiền gốc và 75.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Anh H đã trả hết số tiền nợ gốc và lãi. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 8.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 67.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh H là 656.000 đồng.

2.23. Giao dịch với chị Nguyễn Thị L:

Lần 1: Ngày 17/12/2020, T cho chị L vay số tiền là 6.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2021, chị L trả 6.000.000 đồng tiền gốc và trả 900.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 30 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 99.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 801.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/2/2021, T cho chị L vay số tiền là 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/3/2021, chị L không trả tiền gốc và trả 660.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 39 ngày, tương đương với lãi suất 308,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 43.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 617.000 đồng.

Lần 3: Ngày 16/10/2021, T cho chị L vay số tiền là 41.865.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, chị L không trả tiền gốc và trả 1.200.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 33,5%/1 năm. *Mức lãi suất của lần vay này không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự.*

Lần 4: Ngày 16/11/2021 T cho chị L vay số tiền 46.144.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/12/2021, chị L trả tiền lãi 2.000.000đồng, trên 30 ngày tương ứng với lãi suất 52,5%/năm. *Mức lãi suất của lần vay này không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự.*

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị L là 1.419.000 đồng (Một triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng).

2.24. Giao dịch với bà Doãn Thị Th:

Ngày 23/7/2021, T cho bà Th vay số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, bà thu trả 5.000.000 đồng tiền gốc và 500.000đ tiền lãi, trên số ngày vay là 24 ngày, tương đương với lãi suất 151,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 66.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 434.000 đồng (Ba trăm bố mươi ba nghìn đồng).

2.25. Giao dịch với bà Hoàng Thị H:

Lần 1: Ngày 28/2/2021, T cho bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/4/2021, bà H trả hết 3.000.000 đồng tiền gốc và 345.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 47 ngày, tương đương với lãi suất 89%/1 năm. *Mức lãi suất của khoản vay này không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.*

Lần 2: Ngày 07/5/2021, T cho bà H vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 16/5/2021, bà H trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 10 ngày, tương đương với lãi suất 164,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 11.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 79.000 đồng.

Lần 3: Ngày 17/5/2021, T cho bà H vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/6/2021, bà H trả 3.000.000 đồng tiền gốc và 435.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 29 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 49.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 386.000 đồng.

Lần 4: Ngày 30/8/2021, T cho bà H vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/9/2021, bà H trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 17 ngày, tương đương với lãi suất 160,9%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 19.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 131.000 đồng.

Lần 5: Ngày 24/9/2021, T cho bà H vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021, bà H trả 2.000.000 đồng tiền gốc và 220.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 22 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 24.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 196.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của bà H là 793.000đ (Bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng).

2.26. Giao dịch với anh Hoàng Văn M:

Lần 1: Ngày 15/12/2020, T cho anh M vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 16/01/2021, anh M trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 32 ngày, tương đương với lãi suất 170,8%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 18.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 132.000.

Lần 2: Ngày 01/01/2021, T cho anh M vay số tiền 3.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 16/01/2021, anh M trả 3.000.000 đồng tiền gốc và 240.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 16 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 26.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 214.000 đồng.

Lần 3: Ngày 29/03/2021, T cho anh M vay số tiền 500.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 16/04/2021 (tương đương 19 ngày), anh M đã trả 500.000 đồng tiền gốc và 45.000 đồng tiền lãi, tương ứng với lãi suất 28,4%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 5.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 40.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/6/2021, T cho anh M vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/7/2021, anh M trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 85.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 18 ngày, tương đương với lãi suất 172,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 10.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 75.000 đồng.

Lần 5: Ngày 07/7/2021, T cho anh M vay số tiền 2.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/7/2021, anh M trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 90.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 9 ngày, tương đương với lãi suất 182,5%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 10.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 80.000 đồng.

Lần 6: Ngày 16/7/2021, số tiền nợ gốc của lần thứ 5 là 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021, anh M trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 150.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 31 ngày, tương đương với lãi suất 176,2%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 17.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 133.000 đồng.

Lần 7: Ngày 24/9/2021, T cho anh M vay số tiền 1.000.000 đồng, thỏa thuận mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/11/2021, anh M trả 1.000.000 đồng tiền gốc và 275.000 đồng tiền lãi, trên số ngày vay là 53 ngày, tương đương với lãi suất 189%/1 năm. Số tiền tính theo lãi suất 20% là 29.000 đồng, số tiền T thu lợi bất chính là 246.000 đồng.

Tổng số tiền T thu lợi bất chính của anh M là 920.000 đồng (Tám trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Ngoài ra bị can còn cho một số người vay thu lãi suất nhưng chưa vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự

3.1. Giao dịch với anh Hoàng Văn D:

Ngày 23/01/2021 T cho anh D vay số tiền 8.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/09/2022 (tương đương 236 ngày) T thu của anh D tiền lãi 5.000.000đ tương ứng với lãi suất 95%/1 năm.

Đối với anh D, T cho vay với lãi suất không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ Luật Dân sự.

3.2. Giao dịch chị Đậu Thị H:

Ngày 15/01/2021, T cho chị H vay số tiền 28.896.000đ với mức lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/01/2022 (tương đương 365 ngày) T đã thu tiền lãi của chị H là 22.000.000đ tương ứng với lãi suất 75,9%/1 năm. *Mức lãi suất đối với khoản vay này không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.*

3.3. Giao dịch chị Phạm Thị Gi:

Ngày 15/09/2021 T cho anh chị Gi vay số tiền 96.742.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/10/2021 (tương đương 31 ngày) T thu của chị Giang tiền lãi 2.000.000đ tương ứng với lãi suất 24%/1 năm. *Mức lãi suất đối với khoản vay này không vượt quá 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.*

3.4. Giao dịch với anh Trương Văn Ph:

Ngày 21/7/2021 T cho anh Ph vay số tiền 1.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Ngày 24/7/2021 anh Ph vay tiếp T 800.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Ngày 03/8/2021 anh Ph vay T 1.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến ngày 15/8/2021 T tính cả gốc và lãi là 3.765.000đ, anh Ph trả gốc 2.800.000đ còn số tiền lãi 965.000đ anh Ph xin T và được T đồng ý không thu lãi. *Khoản vay này T chưa thu lợi bất chính khoản tiền nào.*

Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ các khoản vay của Dương Thị L, Tạ Ngọc Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị M, Đàm Thị M, Phạm Văn C, Hà Thanh M, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Bùi Thị Ng, Chu Thị L, Đào Thị H, Đỗ Quang Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Phạm Thành Ch, Phạm Thị T, Trần Thị H, Trương Văn Ph, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Công Kh, Nguyễn Quang H, Hà Văn H, Nguyễn Thị L, Doãn Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Văn M là 68.558.198đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Như vậy, tổng số tiền T thu lợi bất chính từ các khoản cho vay có thời hạn và không có thời hạn là 119.476.198đ (Một trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng).

Cáo trạng số 65/CT-VKSTT ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Đề nghị tuyên bố Đinh Văn T phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng; Phạt bổ sung là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với bị cáo để sung vào công quỹ Nhà nước; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền gốc người vay đã trả cho bị cáo là 109.847.000 đồng.

+ Tịch thu số tiền gốc mà người vay còn nợ, trong đó thu của từng người vay như sau: chị Mai Thị M 9.638.000 đồng; anh Vũ Ngọc Th: 3.512.000 đồng; chị Trần Thị H: 11.000.000 đồng; chị Dương Thị L: 7.112.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 5.000.000đồng; Nguyễn Thị M 2.419.000 đồng; Đàm Thị M 2.500.000 đồng; Hà Thanh M 8.000.000 đồng; Nguyễn Thị D 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Th 3.146.000 đồng; Phạm Thị T 3.000.000 đồng; Trần Thị H 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Y 2.696.000 đồng.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 14.550.067 đồng là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS mà người phạm tội đã thu của người vay:.

- Buộc bị cáo trả cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà người phạm tội thực tế đã thu, cụ thể như sau: Bị cáo trả lại cho chị Mai Thị M 14.072.4000 đồng; anh Vũ Ngọc Th 1.796.000 đồng; chị Trần Thị H 15.332.000 đồng; chị Dương Thị L 5.780.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 4.174.000 đồng; anh Phạm Văn C 2.919.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th 3.344.000 đồng; chị Nguyễn Thị M 2.516.000 đồng; chị Đàm Thị M 4.901.000 đồng; anh Hà Thanh M 12.190.411 đồng; chị Nguyễn Thị D 1.243.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th 579.000 đồng; chị Bùi Thị Ng 247.000 đồng; chị Chu Thị L 710.000 đồng; chị Đào Thị H 8.600 đồng; anh Đỗ Quang Ph 3.133.000 đồng; chị Nguyễn Thị D 22.260 đồng; chị Nguyễn Thị Th 4.753.000 đồng; anh Phạm Thành Ch 178.000 đồng; chị Phạm Thị T 3.863.000 đồng; chị Trần Thị H 1.276.000 đồng; chị Nguyễn Thị Y 2.782.000 đồng; anh Nguyễn Công Kh 7.768.000 đồng; anh Nguyễn Quang H 1.978.567 đồng; anh Hà Văn H 656.000 đồng; chị Nguyễn Thị L 1.419.000 đồng; chị Doãn Thị Th 434.000 đồng; chị Hoàng Thị H 793.360 đồng; anh Hoàng Văn M 920.000 đồng

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu đối trừ số tiền 40.960.000 đồng, gồm: 110.000 đồng bị cáo tự giao nộp là tiền lãi thu của anh Nguyễn Văn Th; 10.850.000 đồng là số tiền bị cáo mang trên người và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra; 30.000.000

đồng ngày 11/02/2022 bị tự nguyện giao nộp là số tiền thu lời bất chính trong quá trình cho vay lãi nặng vào số tiền bị cáo phải thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo khai: Do hám lợi nên bị cáo đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất vay 5.000 đồng/1 triệu/ngày. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến tháng 1/2022, bị cáo đã cho 33 người vay tiền với nội dung đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo còn xác định, trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử những người vay tiền là anh Nguyễn Văn Th, anh Phạm Văn C, anh Đỗ Quang Ph, anh Nguyễn Công Kh, chị Nguyễn Thị L, chị Chu Thị L, anh Nguyễn Quang H đã trả hết nợ gốc đã vay; anh Hà Thanh M đã trả thêm 4.000.000 triệu tiền nợ gốc đã vay. Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật và hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo; Nói lời sau cùng: bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ quy định của Nhà nước về lãi suất cho vay nhưng vì hám lợi bị cáo đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất theo thỏa thuận là 5.000đ/1triệu/01 ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm) gấp 9,12 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Thực tế thu lãi của những người vay với mức lãi suất giao động từ 106%/năm đến 316,4%/năm, vượt quá 5 lần lãi suất cho phép của bộ luật dân sự. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ các khoản vay có thời hạn của bà Mai Thị M, anh Vũ Ngọc Th, bà Trần Thị H là 50.885.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ các khoản vay của Dương Thị L, Tạ Ngọc Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị M, Đàm Thị M, Phạm Văn C, Hà Thanh M, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Bùi Thị Ng, Chu Thị L, Đào Thị H, Đỗ Quang Ph, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Th, Phạm Thành Ch, Phạm Thị T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Y, Nguyễn Công Kh, Nguyễn Quang H, Hà Văn H, Nguyễn Thị L, Doãn Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Văn M là 68.558.198đ (Sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ các khoản cho vay có thời hạn và không có thời hạn là 119.476.198đ (Một trăm mười chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tám đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà

nước. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của những người vay tiền của bị cáo, phù hợp với sổ ghi chép về các khoản vay của bị cáo; bản kết luận giám định số 32/KLGĐ-PC09 ngày 21/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Bản kết luận giám định số 31/KLGĐ-PC09 ngày 08/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; bản thống kê giải trình sổ ghi chép của bị cáo; các biên bản làm việc giữa bị cáo và những người vay tiền và toàn bộ các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Đinh Văn T phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Đinh Văn T thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi bị phát hiện và trong quá trình giải quyết vụ án đã tự nguyện giao nộp số tiền 40.690.000 đồng tiền thu lợi bất chính; Bà nội của bị cáo (bà Phạm Thị T) được nhà nước tặng bằng khen gia đình có công với cách mạng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i, s, b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Bị cáo có nhân thân tốt. Có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Có khả năng tự cải tạo nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là đủ sức giáo dục giúp đỡ bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn về việc xét xử về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, xử:

[5.1] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 109.847.000 đồng của bị cáo là số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay mà những người vay đã trả cho bị cáo gồm: Anh Tạ Ngọc Đ 1.000.000 đồng, anh Phạm Văn C 9.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Th

6.500.000 đồng, chị Đàm Thị M 1.500.000 đồng, anh Hà Thanh M 7.000.000, chị Nguyễn Thị D 2.810.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th 6.000.000 đồng, chị Bùi Thị Ng 2.000.000 đồng, chị Chu Thị L 3.000.000, chị Đào Thị H 500.000; anh Đỗ Quang Ph 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị D 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th 2.598.000 đồng, anh Phạm Thành Ch 1.500.000 đồng, chị Trần Thị H 2.990.000 đồng, chị Nguyễn Thị Y 6.297.000 đồng, anh Nguyễn Công Kh 13.120.000 đồng, anh Nguyễn Quang H 5.000.000 đồng, anh Hà Văn H 2.550.000 đồng, chị Nguyễn Thị L 8.000.000 đồng, chị Doãn Thị Th 5.000.000 đồng, chị Hoàng Thị H 9.000.000 đồng, anh Hoàng Văn M 8.500.000 đồng.

[5.2] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.550.000 đồng của bị cáo là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay, cụ thể đã thu như sau: Chị Mai Thị M 1.932.000 đồng, anh Vũ Ngọc Th 704.000 đồng, chị Trần Thị H 2.200.000 đồng, chị Dương Thị L 1.320.000 đồng, anh Tạ Ngọc Đ 584.000, anh Phạm Văn C 366.000 đồng, anh Nguyễn Văn Th 390.000 đồng, chị Nguyễn Thị M 484.000 đồng, chị Đàm Thị M 553.000, anh Hà Thanh M 1.710.000 đồng, chị Nguyễn Thị D 167.000 đồng, chị Nguyễn Thị Th 81.000 đồng, chị Bùi Thị Ng 53.000 đồng, chị Chu Thị L 92.000 đồng, chị Đào Thị H 1.400 đồng, anh Đỗ Quang Ph 373.000 đồng, chị Nguyễn Thị D 2.700 đồng, chị Nguyễn Thị Th 649.000 đồng, anh Phạm Thành Ch 14.000 đồng, chị Phạm Thị T 487.000 đồng, chị Trần Thị H 173.000 đồng, chị Nguyễn Thị Y 285.000, anh Nguyễn Công Kh 1.174.000 đồng, anh Nguyễn Quang H 250.000 đồng, anh Hà Văn H 81.000 đồng, chị Nguyễn Thị L 141.000 đồng, chị Doãn Thị Th 66.000 đồng, chị Hoàng Thị H 101.000 đồng, anh Hoàng Văn M 115.000 đồng.

[5.3] Tịch thu số tiền gốc mà những người vay còn nợ, trong đó thu của từng người vay như sau: chị Mai Thị M 9.638.000 đồng; anh Vũ Ngọc Th: 3.512.000 đồng; chị Trần Thị H: 11.000.000 đồng; chị Dương Thị L: 7.112.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 5.000.000đồng; Nguyễn Thị M 2.419.000 đồng; Đàm Thị M 2.500.000 đồng; Hà Thanh M 8.000.000 đồng; Nguyễn Thị D 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Th 3.146.000 đồng; Phạm Thị T 3.000.000 đồng; Trần Thị H 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Y 2.696.000 đồng.

[5.4] Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu, cụ thể như sau: Trả lại cho chị Mai Thị M 14.072.4000 đồng; anh Vũ Ngọc Th 1.796.000 đồng; chị Trần Thị H 15.332.000 đồng; chị Dương Thị L 5.780.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 4.174.000 đồng; anh Phạm Văn C 2.919.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th 3.344.000 đồng; chị Nguyễn Thị M 2.516.000 đồng; chị Đàm Thị M 4.901.000 đồng; anh Hà Thanh M 12.190.411 đồng; chị Nguyễn Thị D 1.243.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th 579.000 đồng; chị Bùi Thị Ng 247.000 đồng; chị Chu Thị L 710.000 đồng; chị Đào Thị H 8.600 đồng; anh Đỗ Quang Ph 3.133.000 đồng; chị Nguyễn Thị D 22.260 đồng; chị Nguyễn Thị Th 4.753.000 đồng; anh Phạm Thành Ch 178.000 đồng;

chị Phạm Thị T 3.863.000 đồng; chị Trần Thị H 1.276.000 đồng; chị Nguyễn Thị Y 2.782.000 đồng; anh Nguyễn Công Kh 7.768.000 đồng; anh Nguyễn Quang H 1.978.567 đồng; anh Hà Văn Hư 656.000 đồng; chị Nguyễn Thị L 1.419.000 đồng; chị Doãn Thị Th 434.000 đồng; chị Hoàng Thị H 793.360 đồng; anh Hoàng Văn M 920.000 đồng

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Tịch thu tiền 40.960.000 đồng, gồm: 110.000 đồng bị cáo tự giao nộp là tiền lãi thu của anh Nguyễn Văn Th; 10.850.000 đồng là số tiền bị cáo mang trên người và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra; 30.000.000 đồng ngày 11/02/2022 bị cáo tự nguyện giao nộp là số tiền thu lời bất chính trong quá trình cho vay lãi nặng để đối trừ vào số tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước của bị cáo.

[7] Các vấn đề khác của vụ án:

[7.1] Trong sổ sách do bị cáo ghi chép còn có các khoản vay của chị Nguyễn Quỳnh V, sinh năm 1981, trú tại thôn Chiêm Thuận, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; chị Trần Thị H, sinh năm 1977, trú tại thôn Hải Linh, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; anh Phạm Thành N, sinh năm 1987, trú tại thôn Đông, xã Tân Học, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994, trú tại thôn Minh Khai, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; chị Nguyễn Thị M (tên thường gọi là H), sinh năm 1996, trú tại xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; anh Vũ Trung L, sinh năm 1994, trú tại thôn Kim Bàng, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; anh Lê Thành L, sinh năm 1985, trú tại thôn Linh Thanh, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Lê Hữu V, sinh năm 1989, trú tại thôn Chiêm Thuận, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; chị Đinh Thị H, sinh năm 2001, trú tại thôn Minh Khai, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; anh Bùi Văn Th, sinh năm 1992, trú tại thôn Lũng Tả, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Vũ Thị N, sinh năm 1983, trú tại thôn Vũ Hàn Đông, Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, Hoàng Thị H, sinh năm 1990, trú tại xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình điều tra do những người này không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được số tiền vay, hình thức vay, mức lãi suất vay của những người này với bị cáo, do vậy Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý đối với các trường hợp này.

[7.2] Đối với các khoản vay có tên ghi trong sổ gồm: người có tên là "H", người có tên "N", người có tên "HL", Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ người vay nên không có căn cứ xử lý.

[7.3] Anh Trương Văn Ph; ông Phạm Văn V, sinh năm 1960, trú tại thôn Vũ Thành Đông, xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có vay của bị cáo số tiền 2.000.000 đồng sau đó trả luôn, khoản vay này bị cáo không thu tiền lãi nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là đúng pháp luật.

[7.4] Chị Mai Thị Th, sinh năm 1983, trú tại thôn Đồng Kinh, xã Thuần Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình có vay tiền của bị cáo nhưng bị cáo chưa thu của chị Th nên không xác định số tiền thu lợi bất chính của bị cáo đối với khoản vay này nên không xử lý đối với bị cáo là đúng pháp luật.

[7.5] Các khoản vay của anh Hoàng Văn D, chị Đậu Thị H, chị Phạm Thị Gi với mức lãi suất đều vượt quá quy định nhưng chưa gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng quy định.

[8]. Quá trình điều tra xác định số tiền bị cáo dùng cho vay lãi nặng là tài sản chung của bị cáo và vợ là bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thôn thôn Vị Thủy, xã Dương Hồng Thủy, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, nhưng khi cho vay bị cáo không bàn bạc gì với bà V và bà V cũng không biết việc bị cáo cho vay với lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà V là đúng pháp luật.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn xét xử vụ án về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đinh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 109.847.000 đồng của bị cáo là số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay mà những người vay đã trả cho bị cáo.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.550.000 đồng của bị cáo là số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay.

- Tịch thu số tiền gốc mà những người vay còn chưa trả, trong đó thu của từng người vay như sau: chị Mai Thị M 9.638.000 đồng; anh Vũ Ngọc Th: 3.512.000 đồng; chị Trần Thị H: 11.000.000 đồng; chị Dương Thị L: 7.112.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 5.000.000đồng; Nguyễn Thị M 2.419.000 đồng; Đàm Thị M 2.500.000 đồng; Hà Thanh M 8.000.000 đồng; Nguyễn Thị D 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị Th 3.146.000 đồng; Phạm Thị T 3.000.000 đồng; Trần Thị H 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Y 2.696.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thực tế đã thu, cụ thể như sau: Trả lại cho chị Mai Thị M 14.072.4000 đồng; anh Vũ Ngọc Th 1.796.000 đồng; chị Trần Thị H 15.332.000 đồng; chị Dương Thị L 5.780.000 đồng; anh Tạ Ngọc Đ 4.174.000 đồng; anh Phạm Văn C 2.919.000 đồng; anh Nguyễn Văn Th 3.344.000 đồng; chị Nguyễn Thị M 2.516.000 đồng; chị Đàm Thị M 4.901.000 đồng; anh Hà Thanh M 12.190.411 đồng; chị Nguyễn Thị D 1.243.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th 579.000 đồng; chị Bùi Thị Ng 247.000 đồng; chị Chu Thị L 710.000 đồng; chị Đào Thị H 8.600 đồng; anh Đỗ Quang Ph 3.133.000 đồng; chị Nguyễn Thị D 22.260 đồng; chị Nguyễn Thị Th 4.753.000 đồng; anh Phạm Thành Ch 178.000 đồng; chị Phạm Thị T 3.863.000 đồng; chị Trần Thị H 1.276.000 đồng; chị Nguyễn Thị Y 2.782.000 đồng; anh Nguyễn Công Kh 7.768.000 đồng; anh Nguyễn Quang H 1.978.567 đồng; anh Hà Văn H 656.000 đồng; chị Nguyễn Thị L 1.419.000 đồng; chị Doãn Thị Th 434.000 đồng; chị Hoàng Thị H 793.360 đồng; anh Hoàng Văn M 920.000 đồng;

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 40.960.000 đồng thu giữ của bị cáo như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/7/2022 giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy để đối trừ vào số tiền phải thi hành án của bị cáo.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.Về án phí: Bị cáo Đinh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đinh Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qun;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Lan